TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 21/10/2019
"V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Chí Tâm

- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ Ông Danh On

2/ Bà Nguyễn Thị Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quách Văn Quy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST–HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗng Thanh D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 03/138D, ấp Đ, xã T, huyện H, TP. H.

Bị đơn: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh B.

(Anh D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt không thông báo lý do, không có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn anh Đỗng Thanh D tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và vợ là Lê Thị Cẩm T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 06/9/2013. Chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn và vợ tôi cùng với con tôi về nhà mẹ ruột của vợ sống đến nay. Vậy là từ đó chúng tôi ly

thân nhau đến nay. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với vợ tôi nữa nên tôi yêu cầu ly hôn với vợ là Lê Thị Cẩm T.

Về quan hệ con chung: Tôi và T có 01 người con chung tên Đỗng Lê Thiên K, sinh ngày 09/4/2014 hiện đang sống chung với vợ tôi. Tôi đồng ý để vợ tôi được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và tôi không cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh D không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị Lê Thị Cẩm T không có lời trình bày:

Chị Lê Thị Cẩm T có hộ khẩu thường trú tại ấp Kinh Xáng, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nhưng chị thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Dó đó, Tòa án không thu thập được lời khai của chị T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗng Thanh D.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗng Thanh D được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đỗng Lê Thiên K, sinh ngày 09/4/2014 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Đỗng Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu K và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, anh D phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Đỗng Thanh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Lê Thị Cẩm T có nơi đăng ký thường trú tại ấp Kinh Xáng, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Đỗng Thanh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh D. Bị đơn chị Lê Thị Cẩm T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Cẩm T.

[II] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗng Thanh D.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗng Thanh D và chị Lê Thị Cẩm T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng anh D chỉ hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay. Anh D xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu ly hôn.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị T đúng như lời trình bày của anh D (anh D và chị T đã ly thân nhau khá lâu).

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của anh D và chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của hai người là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗng Thanh D.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Đỗng Thanh D và chị Lê Thị Cẩm T có 01 người con chung tên Đỗng Lê Thiên K, sinh ngày 09/4/2014 hiện đang sống chung với chị T. Anh D đồng ý để chị T được tiếp tục trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu K và anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K.

Xét thấy, từ trước đến nay cháu K do chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và chị T hoàn toàn có thể đảm bảo mọi mặt để cháu K phát triển tốt. Qua xác minh bà Quách K Hoa mẹ ruột chị T xác định cháu K được chị T gửi bà trông giữ, chăm sóc những lúc chị T đi làm. Dù không xác định được ý kiến của chị T

về quan hệ con chung nhưng anh D cũng đã đồng ý để chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu K. Do đó, để đảm bảo cuộc sống cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu K Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của anh D là phù hợp. Tiếp tục giao cháu Đỗng Lê Thiên K, sinh ngày 09/4/2014 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Đỗng Thanh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết vấn đề này.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Đỗng Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đỗng Thanh D là người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Lê Thị Cẩm T không phải chịu án phí.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗng Thanh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗng Thanh D được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đỗng Lê Thiên K, sinh ngày 09/4/2014 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Đỗng Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu K và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu K mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Đỗng Thanh D nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Đỗng Thanh D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006139 ngày 20/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA